

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/HS-ST
Ngày: 18 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tám

Bà Nguyễn Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Cao Thạch S, sinh 01/01/1988, tại tỉnh Đồng Nai;

Nơi cư trú: Ấp 6B, xã L, huyện B, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn S (đã chết) và bà Đặng Thị S (đã chết); Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: 01, Tại Bản án số 44/2020/HSST ngày 25/5/2020, Tòa án nhân dân huyện B xử phạt S 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 27/7/2021,

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2023 cho đến nay, (có mặt).

2. Phạm Ngọc T, sinh ngày 05/6/1994, tại Tiền Giang;

Nơi cư trú: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn P và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: 01, Tại Bản án số 44/2020/HSST ngày 25/5/2020, Toà án nhân dân huyện B xử phạt T 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 27/4/2021,

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2023 cho đến nay, (có mặt).

3. Lê Hữu V1, sinh ngày 29/8/1998, tại Long An;

Nơi cư trú: Ấp 7, xã N, huyện B, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/2023 cho đến nay, (có mặt).

- *Bị hại:*

Dương Tấn V2, sinh năm 1992

Địa chỉ: B1/359A, ấp 2, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Xin vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Phạm Thị Cẩm V3, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An. Vắng mặt;

Chỗ ở: Khu phố 7, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

- *Tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Lê Thành T1, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Thạch S và Phạm Ngọc T là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Khoảng 18 giờ ngày 14/4/2023, do không có tiền tiêu xài S gọi điện thoại rủ T đi trộm cây mai bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T đem theo 01 cái cưa dài 30cm có cán bằng gỗ dài 12,5cm, lưỡi dài 17,5cm và đón xe đến nhà S, S đem theo 01 cái xẻng dài khoảng 70cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt kích thước lưỡi 10 x 20cm. S dẫn T đi bộ vào vườn mai của anh

Dương Tấn V2 ở Ấp 6B, xã L, huyện B, cách nhà S khoảng 500m, không có hàng rào và người trông coi, S và T thống nhất trộm cây mai vàng cao khoảng 3,1m đang phát triển bình thường. Sau khi chọn cây mai này để trộm T dùng cưa cắt ngang thân cây bỏ phần đọt khoảng 1,6 m, chừa lại phần thân cây 1,5m và cắt ngắn các nhánh cây, S dùng xẻng đào xung quanh gốc mai, loại bỏ phần đất, rải xung quanh cây mai, đến khoảng 23 giờ thì đào xong cây mai nên cả 2 vác cây mai đem cất giấu trong bụi cây ven đường cặp Kênh Cụt, cách vườn mai của anh V2 khoảng 150m và ném cái xẻng xuống kênh rồi đi bộ về nhà S. Do không có xe để chở cây mai đi bán nên S gọi điện cho Lê Hữu V1 nói lấy xe đến nhà S để chở cây mai vừa trộm được đi bán, V1 đồng ý. Khoảng 19 giờ ngày 15/4/2023, V1 điều khiển xe mô tô loại Nouvo 4 màu đỏ đen trắng biển số 62H1-031.06 đến nhà S, V1 giao xe cho T điều khiển đi trước còn V1 và S đi bộ theo sau đến chỗ cất giấu cây mai, T quay đầu xe và ngồi trên xe, V1 và S khiêng cây mai vàng để lên xe thì bị anh Dương Tấn V2 và Lê Thành T1 phát hiện giữ S, T, V1 cùng tang vật lại và trình báo Công an xã L. Công an xã L lập hồ sơ và chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 19/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tiến hành định giá và kết luận: 01 cây mai vàng, tổng chiều dài 3,1m, bị cắt đứt phần đầu trên dài 1,6m, còn lại phần thân mai dài 1,5m, thân mai có nhiều nhánh được cắt ngắn từ 10-15cm, không lá, gốc thân mai có chu vi vòng gốc (hoành) là 51cm, đỉnh thân cây có chu vi 18cm có giá trị 41.500.000đ.

Trong quá trình điều tra, cơ quan CSĐT có tạm giữ: 01 cây mai, phần thân mai dài 1,5m, thân mai có nhiều nhánh được cắt ngắn từ 10-15cm, không lá, gốc thân mai có chu vi vòng gốc (hoành) là 51cm, đỉnh thân cây có chu vi 18cm thuộc sở hữu của anh Dương Tấn V2, hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại tài sản cho anh V2; 01 xe mô tô biển số 62H1-031.06, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvo màu đỏ đen trắng do chị Phạm Thị Cẩm V3 đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe, chị V3 bán lại cho Lê Hữu V1, không có làm thủ tục mua bán và sang tên; 01 điện thoại di động Oppo màu đen thuộc sở hữu của Lê Hữu V1; 01 cái cưa dài 30cm, có cán bằng gỗ dài 12,5cm và lưỡi dài 17,5cm thuộc sở hữu của Phạm Ngọc T; 01 điện thoại di động Samsung màu đen thuộc sở hữu của Cao Thạch S sử dụng. Riêng 01 cái xẻng dài khoảng 70cm cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt kích thước lưỡi 10 x 20cm của Cao Thạch S, đã vứt xuống kênh, CQĐT không truy tìm được.

Tại phiên tòa, các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T, Lê Hữu V1 hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan, không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết luận giám định, đồng thời không khiếu nại đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Tại bản Cáo trạng số 72/CT-VKSBL ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Lê Hữu V1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa vẫn giữ y quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 50, 38 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Cao Thạch S phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo Cao Thạch S mức hình phạt tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 50, 38 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T mức hình phạt tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Lê Hữu V1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; xử phạt bị cáo Lê Hữu V1 mức hình phạt tù 06 tháng đến 09 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T, Lê Hữu V1

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 cây mai, phần thân mai dài 1,5m, thân mai có nhiều nhánh được cắt ngắn từ 10-15cm, không lá, gốc thân mai có chu vi vòng gốc (hoành) là 51cm, đỉnh thân cây có chu vi 18cm thuộc sở hữu của anh Dương Tấn V2, hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại tài sản cho anh V2 theo biên bản trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 16/4/2023 là phù hợp nên không đề nghị xem xét.

Đối với 01 xe mô tô biển số 62H1-031.06, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvo màu đỏ đen trắng do chị Phạm Thị Cẩm V3 đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe, chị V3 bán lại cho Lê Hữu V1, không có làm thủ tục mua

bán và sang tên, V1 sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Oppo màu đen thuộc sở hữu của Lê Hữu V1 sử dụng liên lạc với bị cáo S để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Samsung màu đen thuộc sở hữu của Cao Thạch S sử dụng liên lạc với bị cáo V1 và T để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước

Đối với 01 điện thoại di động Nokia thuộc sở hữu của Phạm Ngọc T sử dụng liên lạc với bị cáo Cao Thạch S, bị cáo T khai đã bán cho người không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra Công an huyện B không thu hồi được nên đề nghị không xem xét.

Đối với 01 cái cửa dài 30cm, có cán bằng gỗ dài 12,5cm và lưỡi dài 17,5cm thuộc sở hữu của Phạm Ngọc T sử dụng làm công cụ phạm tội nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 cái xẻng dài khoảng 70cm cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt kích thước lưỡi 10 x 20cm của Cao Thạch S, đã vứt xuống kênh, CQĐT không truy tìm được nên không đề nghị xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Dương Tấn V2 đã nhận lại tài sản bị mất trộm là 01 cây mai vàng và yêu cầu các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T và Lê Hữu V1 mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T và Lê Hữu V1 đồng ý mỗi bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng như yêu cầu của bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T và Lê Hữu V1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng với bản kết luận về định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 19/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Do muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 19 giờ 00 phút ngày 14/4/2023, Cao Thạch S và Phạm Ngọc T rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. S và T đem theo 01 cái cửa dài 30cm, 01 cái xẻng dài khoảng 70cm đi bộ đến khu đất trồng mai của anh Dương Tấn V2 tại Ấp 6B, xã L, huyện B, không có hàng rào và người trông coi, S và T lén lút dùng cửa cắt đứt và cắt nhánh, dùng xẻng đào gốc lấy trộm 01 cây mai vàng trị giá 41.500.000đ của anh Tấn V2 rồi đem cất giấu vào bụi cây cách vườn mai khoảng 150m. Sau đó, S gọi điện thoại cho Lê Hữu V1 đem xe chở cây mai trộm được đem đi bán. Đến khoảng 19 giờ ngày 15/4/2023, Hữu V1 điều khiển xe mô tô biển số 62H1-031.06 đến nhà S để cùng nhau chở cây mai đi tiêu thụ thì bị anh Dương Tấn V2 và Lê Thành T1 phát hiện giữ lại trình báo Công an.

Hành vi của các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và hành vi của bị cáo Lê Hữu V1 đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn các bị cáo không có cấu kết và phân công vai trò nhưng hành vi trái pháp luật của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu các bị cáo Cao Thạch S và Phạm Ngọc T đã lén lút chiếm đoạt tài sản

để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Lê Hữu V1 biết rõ tài sản do các bị cáo Cao Thạch S và Phạm Ngọc T trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T, Lê Hữu V1 có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến tài sản đang thuộc quản lý, sở hữu của bị hại Dương Tấn V2, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nhưng các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T, Lê Hữu V1 vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Do đó, hành vi của các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T, Lê Hữu V1 cần được xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, có mức án phù hợp, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng trừng phạt, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Cao Thạch S và Phạm Ngọc T có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Hữu V1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T, Lê Hữu V1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Riêng bị cáo Lê Hữu V1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T, Lê Hữu V1 là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự thì hành vi phạm tội của các bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có lời trình bày không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự ; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự :

Đối với 01 cây mai, phần thân mai dài 1,5m, thân mai có nhiều nhánh được cắt ngắn từ 10-15cm, không lá, gốc thân mai có chu vi vòng gốc (hoành) là 51cm, đỉnh thân cây có chu vi 18cm thuộc sở hữu của anh Dương Tấn V2, hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại tài sản cho anh V2 theo biên

bản trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 16/4/2023 là phù hợp nên không đề cập xem xét.

Đối với 01 xe mô tô biển số 62H1-031.06, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvo màu đỏ đen trắng do chị Phạm Thị Cẩm V3 đứng tên trên giấy chứng nhận đăng kí xe, chị V3 bán lại cho Lê Hữu V1, không có làm thủ tục mua bán và sang tên, V1 sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Oppo màu đen thuộc sở hữu của Lê Hữu V1 sử dụng liên lạc với bị cáo S để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Samsung màu đen thuộc sở hữu của Cao Thạch S sử dụng liên lạc với bị cáo V1 và T để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước

Đối với 01 điện thoại di động Nokia thuộc sở hữu của Phạm Ngọc T sử dụng liên lạc với bị cáo Cao Thạch S, bị cáo T khai đã bán cho người không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra Công an huyện B không thu hồi được nên không đề cập xem xét.

Đối với 01 cái chĩa dài 30cm, có cán bằng gỗ dài 12,5cm và lưỡi dài 17,5cm thuộc sở hữu của Phạm Ngọc T sử dụng làm công cụ phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 cái xẻng dài khoảng 70cm cán bằng gỗ, lưỡi bằng sắt kích thước lưỡi 10 x 20cm của Cao Thạch S, đã vứt xuống kênh, CQĐT không truy tìm được nên không đề cập xem xét.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Dương Tấn V2 đã nhận lại tài sản bị mất trộm là 01 cây mai vàng và yêu cầu các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T và Lê Hữu V1 mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T và Lê Hữu V1 đồng ý mỗi bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng như yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc mỗi bị cáo bồi thường cho ông Dương Tấn V2 số tiền 10.000.000 đồng.

[8]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T và Lê Hữu V1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo Lê Hữu V1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 50, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Thạch S 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2023

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 50, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2023

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hữu V1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2023

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T, Lê Hữu V1 45 ngày kể từ ngày tuyên án (18/8/2023) để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 591 Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T và Lê Hữu V1 mỗi bị cáo bồi thường cho anh Dương Tấn V2 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô biển số 62H1-031.06, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvo màu đỏ đen trắng; 01 điện thoại di động Oppo màu đen của Lê Hữu V1; 01 điện thoại di động Samsung màu đen của Cao Thạch S.

Tịch thu tiêu hủy 01 cái cửa dài 30cm, có cán bằng gỗ dài 12,5cm và lưới dài 17,5cm của Phạm Ngọc T.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện B đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2023).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự ; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T và Lê Hữu V1 mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và buộc các bị cáo Cao Thạch S, Phạm Ngọc T và Lê Hữu V1 mỗi bị cáo chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Án xử sơ thẩm công khai. Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Thanh